

SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ TRONG DẠY HỌC NGỮ VĂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

Lã Phương Thủy, Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội

Ngày nhận bài: 26/4/2019; ngày sửa chữa: 15/5/2019; ngày duyệt đăng: 14/6/2019.

Abstract: Using technology in teaching is an urgent requirement of education and training innovation in the context of the industrial revolution 4.0 now. Starting from the specific characteristics of Literature as a subject in the field of Language and Literature education, combining science and art, the article proposes the process of using technology in teaching Literature to improve the effectiveness of teaching subject as well as developing common competencies, specialized competencies for students in accordance with the orientation of general education innovation now.

Keywords: Technology, teaching, Literature, competency, innovation.

1. Mở đầu

Năm 2018, Bộ GD-ĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông mới với mục tiêu “*giúp người học làm chủ kiến thức phổ thông; biết vận dụng hiệu quả kiến thức vào đời sống và tự học suốt đời; có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp; biết xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội; có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú; nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại*” [1; tr 6]. Để đạt được mục tiêu này, chương trình đã đưa ra những quy định yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực cốt lõi, trong đó những năng lực chuyên môn được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục nhất định: năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất [1; tr 6]. Như vậy, một trong những năng lực chuyên môn mà chương trình phổ thông mới hướng tới ở học sinh (HS) trung học phổ thông là năng lực sử dụng công nghệ (SDCN). Do đó, việc SDCN trong dạy học (DH) là yêu cầu cấp thiết của việc đổi mới GD-ĐT trong bối cảnh của Cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay.

Song, cho đến nay, chưa có nhiều công trình nghiên cứu, đặc biệt là những tài liệu hướng dẫn cụ thể việc SDCN nói chung, một số phần mềm công nghệ hình ảnh nói riêng (chúng tôi sử dụng khái niệm công nghệ hình ảnh để chỉ một số phần mềm thiên về việc sử dụng công nghệ không gian địa lí (Geographic Information System - GIS), công nghệ tương tác thực tế (Augmented Reality - AR) trong DH Ngữ văn để giáo viên (GV) có thể vận dụng một cách đơn giản, hiệu quả cũng như đáp ứng xu thế đổi mới giáo dục, hội nhập giáo dục toàn cầu hiện nay. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi đề xuất quy trình sử dụng một số phần mềm công nghệ hình ảnh trong DH Ngữ văn nói chung, DH Ngữ văn trung học phổ thông nói riêng, hi vọng sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích cho GV trong việc thiết kế giáo án DH Ngữ văn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vai trò, ý nghĩa của việc vận dụng công nghệ trong dạy học Ngữ văn

Xuất phát từ đặc trưng riêng của môn Ngữ văn là môn học thuộc lĩnh vực *Giáo dục ngôn ngữ và văn học*, kết hợp giữa khoa học và nghệ thuật, thông qua các văn bản ngôn từ và những hình tượng nghệ thuật sinh động trong các tác phẩm văn học, bằng hoạt động đọc, viết, nói và nghe, môn Ngữ văn có vai trò to lớn trong việc giúp HS phát triển những phẩm chất cao đẹp; có những cảm xúc lành mạnh, biết tôn trọng cái đẹp; có đời sống tinh thần phong phú; có tâm hồn nhân hậu và lối sống nhân ái, vị tha [1; tr 3].

Thêm nữa, là một môn học vừa có tính công cụ, vừa có tính thẩm mỹ - nhân văn, môn Ngữ văn giúp HS hình thành, phát triển các năng lực chung và năng lực môn học như năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ để học tập tốt các môn học khác, để sống và làm việc hiệu quả, để học suốt đời.

Nội dung chương trình môn Ngữ văn liên quan tới nhiều môn học và hoạt động giáo dục khác như Lịch sử, Địa lí, Nghệ thuật, Đạo đức, Giáo dục công dân, Ngoại ngữ, Tự nhiên và Xã hội, Hoạt động trải nghiệm. Bởi vậy, nội dung cốt lõi của môn học bao gồm các mạch kiến thức và kĩ năng cơ bản, thiết yếu về văn học và tiếng Việt, đáp ứng các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của HS ở từng cấp học. Yêu cầu đặt ra lúc này là cần sử dụng đa dạng các phương pháp, hình thức và phương tiện DH, trong đó cần “*khuyến khích HS tự tìm đọc, biết cách thu thập, chọn lọc tài liệu trong thư viện và trên Internet để thực hiện các nghiên cứu cá nhân hay theo nhóm, sau đó trình bày, thảo luận kết quả nghiên cứu trước lớp, rèn luyện kĩ năng sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin (CNTT) để hỗ trợ cho việc trình bày*” [2; tr 32].

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau, đặc biệt là do phương pháp dạy học truyền thống thiên về thuyết giảng

nên việc dạy học vẫn nói riêng và các bộ môn khoa học xã hội khác nói chung chưa khơi gợi được hứng thú học tập và vai trò chủ thể, tính tích cực, chủ động của HS, dẫn đến tình trạng HS chán nản, ngại hoặc sợ học văn. Để khắc phục điều này, trong những năm gần đây, qua sự chỉ đạo của Bộ GD-ĐT, rất nhiều tài liệu, khoá tập huấn, khoá học online... đã được triển khai trên phạm vi cả nước, giúp GV nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng của việc đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) vẫn nói chung cũng như ứng dụng CNTT vào quá trình DH nói riêng và có những định hướng cụ thể đối với việc sử dụng CNTT trong DH. Với môn Ngữ văn, hầu hết GV đã chuyển từ việc soạn giáo án viết tay sang giáo án đánh máy dưới dạng file Word, bước đầu soạn và sử dụng giáo án điện tử dùng phần mềm PowerPoint... Ngoài ra, các phần mềm thiết kế trò chơi, sử dụng hình ảnh, video... cũng được GV sử dụng thường xuyên; việc đa dạng hoá các hình thức, PPDH cũng được GV chú trọng, đặc biệt là việc sử dụng các PPDH tích cực như phương pháp làm việc nhóm, PPDH giải quyết vấn đề, phương pháp nghiên cứu trường hợp... Thông qua những PPDH tích cực này, GV và HS có thể cùng nhau thiết kế những sản phẩm DH có tích hợp sử dụng CNTT.

Việc áp dụng công nghệ trong DH Ngữ văn sẽ không những tạo điều kiện thuận lợi cho GV và HS trong việc DH tích hợp Ngữ văn với các môn học khác trong chương trình mà còn mở ra một cách tiếp cận mới, những phương pháp, hình thức tổ chức DH mới, không chỉ kích thích sự hứng thú của HS mà còn khơi gợi, phát triển ở các em sự chủ động, tiềm năng sáng tạo khi tiếp xúc với môn học mang tính chất nghệ thuật này.

2.2. Một số yêu cầu khi sử dụng công nghệ trong dạy học Ngữ văn

- *Đảm bảo mục tiêu bài học:* Ứng dụng công nghệ trong DH Ngữ văn vẫn phải đảm bảo mục tiêu bài học vì nó định hướng và giúp lập kế hoạch cho các hoạt động dạy học. Khi thực hiện giờ học, việc đảm bảo mục tiêu bài học sẽ quyết định thành công của kế hoạch DH; là cơ sở xác định các kết quả học tập cần đạt, cũng như hiệu quả của một giờ học.

- *Đảm bảo nội dung bài học:* Việc sử dụng công nghệ trong DH nói chung và DH Ngữ văn nói riêng cần đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và khoa học. Theo chương trình Ngữ văn hiện hành, GV cần bám sát các chuẩn kiến thức, kỹ năng để đảm bảo nội dung bài học.

- *Phát huy được tính tích cực, sự tương tác của HS:* Ngày nay, người học là nhân tố quyết định của quá trình DH, vừa là đối tượng của hoạt động dạy, vừa là chủ thể của quá trình học. Người dạy từ đó trở thành người tư vấn, hỗ trợ và định hướng cho người học chủ động chiếm lĩnh tri thức. Chính vì thế, nhiệm vụ phát huy được tính

tích cực và sự tương tác cho HS là một điều vô cùng quan trọng đối với giáo viên. Cùng với việc thay đổi các hình thức và PPDH, việc sử dụng công nghệ trong DH cần được sử dụng hiệu quả nhằm tăng tính tích cực và sự tương tác của HS.

2.3. Quy trình sử dụng công nghệ trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông

Bước 1: Xác định mục tiêu DH/bài học. Mục tiêu của bài học là căn cứ để đánh giá chất lượng học tập của HS và hiệu quả thực hiện bài dạy của GV. Theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới, mục tiêu của giáo dục phổ thông là hình thành và rèn luyện ở HS những năng lực và phẩm chất đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện nay. Vì vậy, bước đầu tiên khi xây dựng quy trình DH cần xác định mục tiêu DH hay mục tiêu bài học cụ thể.

+ *Mục tiêu chung:* Mục tiêu phải nêu cụ thể những kiến thức, kỹ năng, thái độ mà HS cần đạt được sau tiết học, đặc biệt chỉ rõ mức độ, yêu cầu. Mục tiêu phải được viết rất cụ thể sao cho có thể quan sát, đánh giá hoặc lượng hoá được.

Để đạt được yêu cầu này, người ta thường lượng hóa mục tiêu bằng các động từ hành động, một động từ có thể dùng ở các nhóm mục tiêu khác nhau. Mỗi động từ thể hiện mức độ, yêu cầu nhất định. Ví dụ, *nhóm mục tiêu kiến thức* có thể sử dụng những cụm từ như “nêu lên được”, “trình bày được”, “phát biểu được”, “phân tích được”, “đánh giá được”, “so sánh được”...; *nhóm mục tiêu kỹ năng* có thể sử dụng “sử dụng được”, “vẽ được”, “thực hiện được”...; *nhóm mục tiêu thái độ* có thể sử dụng: “có ý thức, ủng hộ, bảo vệ”...

Đối với môn Ngữ văn, mục tiêu của bài học thường tập trung vào các kiến thức về thể loại, tác giả, tác phẩm, kiến thức về tiếng Việt, các kiểu văn bản trong nhà trường; kỹ năng đọc, tạo lập văn bản, sử dụng ngôn ngữ và thái độ giữ gìn, bảo tồn, phát huy kho tàng văn học dân tộc. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, với những yêu cầu mới của xã hội, việc dạy văn nói riêng cũng như DH nói chung không chỉ là những yêu cầu thông hiểu, ghi nhớ, tái hiện kiến thức, lặp lại đúng, thành thạo các kỹ năng như trước đây, mà còn đặc biệt chú ý đến năng lực nhận thức, năng lực tự học của HS. Những mục tiêu này chỉ có thể hình thành dần dần qua hệ thống nhiều bài học, nhiều môn học và chỉ có thể đánh giá được sau một giai đoạn học tập xác định chứ không thể được tạo nên, hình thành nên trong vài tiết học.

+ *Mục tiêu về công nghệ:* Để việc SDCN trong DH Ngữ văn đạt được hiệu quả, việc xác định mục tiêu về công nghệ trước khi bắt đầu bài học là rất cần thiết. Hiện nay, một số phần mềm thông dụng được GV lựa chọn trong quá trình soạn bài, DH trên lớp là Word, PowerPoint; một số phần

mềm phức tạp hơn như Violet, Padlet, Storymap... còn ít được biết tới và sử dụng. Điều này cho thấy, GV đã cố gắng nâng cao, bồi dưỡng và sử dụng năng lực tin học trong quá trình DH; tuy nhiên, phần lớn họ mới thành thạo và sử dụng được các phần mềm đơn giản và thông dụng. Như vậy, vấn đề đặt ra là việc sử dụng các bài giảng PowerPoint cần phù hợp với mục tiêu DH môn Ngữ văn chứ không chỉ làm thay đổi quá trình “thầy đọc - trò chép” sang “thầy chiếu - trò chép”. Hơn nữa, trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, vạn vật kết nối hiện nay thì sử dụng CNTT trong DH không đơn thuần là việc soạn các bài giảng điện tử mà còn phải tận dụng sức mạnh của Internet, hướng dẫn HS chủ động khám phá, phát huy, kết nối tri thức toàn cầu, từ đó hình thành và phát triển những năng lực chung cũng như năng lực riêng, đặc thù của môn học.

Bởi vậy, khi SDCN trong DH Ngữ văn cần chú ý tới việc lựa chọn công cụ về mặt công nghệ phù hợp với đặc trưng môn học, trình độ GV và cơ sở vật chất của đơn vị đào tạo. Việc xác định rõ, cụ thể các mục tiêu về mặt công nghệ sẽ giúp GV có định hướng rõ ràng trong việc tổ chức các hoạt động thực hành công nghệ cho HS.

GV nên xác định rõ các mục tiêu về mặt kiến thức và kỹ năng SDCN trong bài học như nêu được cách sử dụng, có kỹ năng vận dụng một số công cụ, phần mềm trong thiết kế bài học...; mặt khác, GV cũng cần xác định mục tiêu về công nghệ cần hướng tới cho HS như một số công cụ, phần mềm về trình chiếu, thuyết trình, sử dụng hình ảnh, video, các phần mềm tương tác...

- Bước 2. Xác định chủ đề, nội dung DH/bài học

Nội dung dạy học là một thành tố quan trọng của quá trình DH, là nội dung hoạt động của thầy và trò trong suốt quá trình DH - là tập hợp, hệ thống các tri thức, kiến thức của môn học, các kỹ năng chung và kỹ năng chuyên biệt cần thiết để hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của người học.

Theo chương trình giáo dục phổ thông mới, nội dung cốt lõi của môn học bao gồm các mạch kiến thức và kỹ năng cơ bản, thiết yếu về tiếng Việt và văn học dựa trên ngữ liệu là các kiểu loại văn bản và phương thức thể hiện đa dạng, nhằm hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực của HS, đáp ứng mục tiêu giáo dục ở từng cấp học. Như vậy, nội dung DH trong môn Ngữ văn bao gồm các yếu tố sau: + Hệ thống những tri thức, kiến thức về thể loại, tác giả, tác phẩm, kiến thức về tiếng Việt, các kiểu văn bản trong nhà trường; + Hệ thống những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản, sử dụng ngôn ngữ.

Với những nội dung này, để việc SDCN trong DH văn đạt hiệu quả, phù hợp với thực tiễn, khi xác định chủ đề, nội dung DH/bài học có SDCN cần tìm, lựa chọn những bài học có khả năng SDCN cao; ví dụ: những bài

học cần nhiều hình ảnh minh họa, video, clip, mở rộng khu vực thông tin ngoài sách giáo khoa, có ưu thế trong kết nối tri thức toàn cầu như các bài đọc hiểu văn bản nghệ thuật về các địa danh tại Việt Nam như *Đáy thôn Vĩ Dạ* (Hàn Mặc Tử), *Tràng giang* (Huy Cận), *Người lái đò sông Đà* (Nguyễn Tuân), *Ai đã đặt tên cho dòng sông* (Hoàng Phủ Ngọc Tường)... Trong DH văn bản thông tin, có thể lựa chọn những văn bản liên quan, đề cập tới những vấn đề nóng trong xã hội, có ý nghĩa thực tiễn, có thể huy động nhiều nguồn thông tin trên internet như *Bức thư người thủ lĩnh da đỏ* (Xi-át-ton), *Thông điệp nhân ngày thế giới phòng chống AIDS* (Kofi Annan)... Trong DH tiếng Việt và làm văn, có thể lựa chọn các bài học gắn với hoạt động giao tiếp trong đời sống hàng ngày, các kiểu loại văn bản phổ biến, thuận lợi trong việc ứng dụng các công nghệ hình ảnh như các bài *Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ*, *Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt*, *Phong cách ngôn ngữ báo chí*, các bài học về kiểu văn bản thuyết minh, nghị luận...

- Bước 3. Lựa chọn, xác định PPDH, hình thức tổ chức DH, hình thức sử dụng công nghệ

Đây là bước cụ thể hoá các nội dung và hoạt động DH, bao gồm các PPDH, hình thức tổ chức DH và cách thức SDCN trong bài học.

+ PPDH: Theo yêu cầu của chương trình giáo dục định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của HS, các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường cần áp dụng các phương pháp tích cực hoá hoạt động của người học, trong đó GV đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho HS, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HS tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được để phát triển.

Các hoạt động học tập của HS bao gồm hoạt động khám phá vấn đề, hoạt động luyện tập và hoạt động thực hành (ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề có thực trong đời sống), được thực hiện với sự hỗ trợ của thiết bị dạy học tối thiểu, đồ dùng học tập và công cụ khác, đặc biệt là công cụ tin học và các hệ thống tự động hóa của kỹ thuật số.

Vì vậy, khi SDCN trong DH Ngữ văn, GV cần tập trung vào một số PPDH tích cực như phương pháp nghiên cứu tình huống, PPDH giải quyết vấn đề, phương pháp làm việc nhóm... để tăng cường sự chủ động, tích cực và sáng tạo ở HS. Tuy nhiên, GV cần tránh máy móc, rập khuôn, không tuyệt đối hoá một phương pháp trong dạy đọc, viết hay nói và nghe mà biết vận dụng các phương pháp phù hợp với đối tượng, bối cảnh, nội dung và mục đích của giờ học. Với đặc thù của môn Ngữ văn là môn

học thiên về cảm xúc, nghệ thuật, nên khi sử dụng các công cụ, phần mềm công nghệ cần tránh làm mất đi bản chất của môn học, nên chú ý tới các phần mềm thể hiện được việc mở rộng thông tin, sự sáng tạo của người học.

+ *Hình thức tổ chức DH*: Để phát triển phẩm chất và năng lực của người học theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới, không gian dạy và học không chỉ giới hạn trong phạm vi lớp học cần mở rộng, có thể ở thư viện, sân trường, bảo tàng, khu triển lãm,... có thể đi tham quan, dã ngoại, yêu cầu các em ghi chép, chụp hình, quay phim,... những gì quan sát, trải nghiệm và viết báo cáo, thuyết minh... Đối với môn Ngữ văn, cần chú ý sử dụng các trò chơi ngôn ngữ, nhất là đối với HS tiểu học; dùng sơ đồ để thể hiện các ý tưởng, nhất là khi tóm tắt nội dung văn bản, miêu tả hệ thống nhân vật, trình bày các thao tác thực hiện một công việc,...; khuyến khích HS tự tìm đọc, biết cách thu thập, chọn lọc tài liệu trong thư viện và trên Internet để thực hiện các nghiên cứu cá nhân hay theo nhóm, sau đó trình bày, thảo luận kết quả nghiên cứu trước lớp; rèn luyện kỹ năng sử dụng các phương tiện CNTT để hỗ trợ cho việc trình bày.

Mặt khác, trên phạm vi toàn quốc hiện nay có rất nhiều cơ sở giáo dục, đặc biệt là bậc đại học đã áp dụng hình thức e-learning, blended learning - những hình thức DH mới mẻ, phối hợp việc giáo dục trực tuyến với DH trên lớp nhằm tiết kiệm thời gian cũng như mở rộng các hình thức học tập với rất nhiều ưu điểm trong bối cảnh giáo dục 4.0; Đây sẽ là hướng đi có nhiều ưu thế trong tương lai, phù hợp với định hướng đổi mới GD-ĐT nói chung cũng như đổi mới PPDH văn nói riêng.

+ *Hình thức SDCN*: có thể lựa chọn hai hình thức sau:

Thứ nhất, GV sử dụng các công cụ, phần mềm công nghệ hỗ trợ cho việc DH của mình. Với cách làm này GV sẽ chủ động về mặt thời gian, lên ý tưởng thiết kế bài học. Trong môn Ngữ văn, GV nên lựa chọn một số phần mềm tăng hiệu quả hình ảnh, tính tương tác khi dạy như phần mềm Edmodo, Kahoot, Google Classroom... Đây là các phần mềm có ưu thế trong việc thiết kế các chủ đề DH tích hợp, các khóa tự học, tự nghiên cứu, HS có thể theo dõi, chia sẻ, phản hồi và tương tác với nhau trong khóa học... Ngoài ra, GV cũng có thể dùng phần mềm này để thiết kế các bài tập, ngữ liệu DH, các bài kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của HS.

Thứ hai, GV sẽ hướng dẫn HS làm quen, sử dụng một số phần mềm để tạo ra các sản phẩm của riêng mình trong quá trình học văn. Đây là cách làm có ưu thế hơn trong việc hướng dẫn HS tiếp cận CNTT, tăng cường sự chủ động, sáng tạo của HS. Tuy nhiên, nhược điểm của cách làm này là cần yêu cầu HS có thời gian chuẩn bị, làm việc nhóm ở nhà. GV có thể lựa chọn một số phần mềm như Storymap, FreshAir, Weebly... Khi sử dụng phần mềm

Weebly, HS sẽ xây dựng được hệ thống học liệu cá nhân (như văn bản, ngữ liệu học tiếng Việt...); đây cũng là phần mềm hỗ trợ HS trong việc trình bày tương tác trong và ngoài giờ lên lớp. Đặc biệt, GV nên hướng dẫn HS sử dụng một số trang web, mạng xã hội rất quen thuộc, phổ biến hiện nay như Youtube, Facebook... để tăng tính chủ động, sáng tạo của HS trong quá trình học. Ví dụ, GV có thể hướng dẫn HS sử dụng Youtube để xây dựng học liệu bằng video nhằm tăng tính trực quan như văn bản, bài tập, ngữ liệu DH tiếng Việt, các ví dụ về đọc hiểu văn bản, sáng tạo văn bản đa phương tiện, sáng tạo văn bản nghệ thuật... Hoặc, HS có thể sử dụng Facebook để xây dựng các học liệu trực quan (các video, clip đa phương tiện); đây sẽ là những công cụ giúp HS dễ dàng chia sẻ và tương tác với GV cũng như các HS khác.

Ngoài ra, với các đối tượng HS khá, giỏi, có khả năng SDCN tốt, GV có thể hướng dẫn HS làm quen với một số phần mềm thiết kế VR (thực tế ảo), AR (thực tế ảo tăng cường) như Unity 3D, Cospace, Steam VR, Space 4D... để xây dựng các nhiệm vụ học tập, trò chơi, phiếu học tập đa phương tiện... mở rộng không gian tác phẩm, giúp HS có thể hình dung rõ hơn về một số địa danh, không gian nghệ thuật trong văn bản; đồng thời tăng cường tư duy tưởng tượng, sáng tạo của HS, thích hợp trong DH đọc hiểu văn bản nghệ thuật.

Chẳng hạn, khi dạy đọc hiểu văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông* của Hoàng Phủ Ngọc Tường (**Ngữ văn 12**), GV sẽ thiết kế trước bài học trên phần mềm Storymap. Đây là một phần mềm có nhiều ưu thế trong việc thiết kế hình ảnh, tích hợp với sử dụng bản đồ nên rất phù hợp trong dạy học các bài đọc hiểu văn bản nghệ thuật về các địa danh tại Việt Nam. Để phát huy sự chủ động, tích cực của HS cũng như huy động vốn hiểu biết, kỹ năng thu thập thông tin của HS, GV sẽ chia HS thành 3 nhóm với các nhiệm vụ cụ thể như sau:

- *Nhóm 1* nghiên cứu về vẻ đẹp sông Hương ở góc nhìn địa lí: Kể tên những địa danh mà sông Hương chảy qua trên địa bàn thành phố Huế được đánh dấu trên bản đồ storymap; Sưu tầm những thông tin, hình ảnh, video về các địa danh sông Hương chảy qua; Li giải tại sao dòng chảy của sông Hương có sự thay đổi khi đi qua các địa hình khác nhau.

- *Nhóm 2* nghiên cứu về vẻ đẹp sông Hương ở góc nhìn lịch sử: Tìm những thông tin, câu chuyện về lịch sử sông Hương; Sưu tầm những hình ảnh, video về lịch sử sông Hương; Chỉ ra những địa điểm được chọn để phản công trong chiến dịch Mậu Thân năm 1968 tại Huế trên bản đồ Storymap và thuyết trình về chiến lược chuẩn bị cho trận Mậu Thân năm 1968; Sưu tầm những hình ảnh Huế, sông Hương bị tàn phá trong trận chiến đó.

- *Nhóm 3* nghiên cứu về vẻ đẹp sông Hương ở góc nhìn văn hóa: Suu tầm những hình ảnh, video giới thiệu về văn hóa đặc sắc của Huế gắn với sông Hương (thi ca và âm nhạc); Tìm những biện pháp để bảo tồn những giá trị văn hóa tại Huế.

GV cung cấp đường link bài học trên phần mềm Storymap và yêu cầu HS truy cập vào đường link để thực hiện các nhiệm vụ học tập trước khi bắt đầu giờ học. Ngoài ra, HS sẽ sử dụng các công cụ tìm kiếm như Facebook, Youtube, Google để tìm hiểu văn bản ở nhà và lựa chọn trình bày sản phẩm của nhóm theo các hình thức sáng tạo như hướng dẫn viên du lịch, phỏng vấn, đóng kịch, chuyên gia,... Giờ học trên lớp sẽ là thời gian các nhóm trình bày sản phẩm, GV chốt lại các kiến thức trọng tâm của bài học. Như vậy, đây là những nhiệm vụ mang tích hợp giữa các môn học Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí với hình thức dạy học kết hợp (học trước ở nhà kết hợp học trực tiếp trên lớp). HS hoàn toàn chủ động trong việc thảo luận nhóm, chuẩn bị bài ở nhà và lựa chọn đa dạng các hình thức trình bày sản phẩm.

- *Bước 4: Xây dựng kế hoạch triển khai bài học*

Sau khi đã xác định các mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giờ học, GV có thể tiến hành xây dựng kế hoạch bài học theo nhiều mẫu kế hoạch bài học khác nhau như kế hoạch bài học theo mô hình TPACK [3], kế hoạch DH theo mô hình Intel [4].

- *Bước 5: Xây dựng kế hoạch kiểm tra - đánh giá*

Mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình và sự tiến bộ của HS để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lí và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng HS và nâng cao chất lượng giáo dục. Vì vậy, khi SDCN trong DH nói chung, DH Ngữ văn nói riêng cần chú ý tới việc kiểm tra - đánh giá kết quả thực hiện bài học, bao gồm đánh giá HS và tự đánh giá của GV.

Ví dụ, với phân môn Đọc hiểu văn bản, GV có thể xây dựng kế hoạch kiểm tra - đánh giá theo các tiêu chí sau:

+ *Đánh giá kết quả của HS:*

Về kiến thức: Kiến thức về thể loại; đặc điểm thể loại; Kiến thức về văn bản: tri thức về tác giả, tác phẩm (hoàn cảnh sáng tác, bố cục...), bút pháp nghệ thuật của tác giả sử dụng trong văn bản; Kiến thức liên ngành: Lịch sử, Địa lí, văn hoá, công nghệ, giáo dục công dân...

Về hoạt động làm việc nhóm: Hình thức trình bày kết quả làm việc nhóm; Nội dung sản phẩm nhóm.

Về kĩ năng SDCN: Kĩ năng sử dụng các công cụ tìm kiếm thông tin trực tuyến để thực hiện các mục tiêu bài học; Kĩ năng sử dụng một số phần mềm công nghệ hình ảnh như Storymap, FreshAir...

+ *Tự đánh giá của GV:* GV có thể tự nhận xét, đánh giá về ưu điểm, hạn chế của bài học, kĩ năng SDCN trong DH, hiệu quả SDCN, mức độ phù hợp với mục tiêu, nội dung bài học..., từ đó đưa ra những đề xuất, phương pháp cải tiến cho bài học sau.

3. Kết luận

Việc SDCN trong DH nói chung và trong DH Ngữ văn nói riêng chắc chắn sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình triển khai, đặc biệt ở các vùng sâu, vùng xa, nơi thiếu thốn nhiều điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phục vụ cho quá trình DH. Tuy nhiên, đây là xu hướng tất yếu trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh thế giới đang thay đổi từng ngày từng giờ với tốc độ của cuộc Cách mạng 4.0. Bởi vậy, bài viết hi vọng sẽ là những hướng dẫn cụ thể về quy trình SDCN trong DH Ngữ văn, giúp GV dễ dàng hơn trong quá trình triển khai DH ở trường phổ thông, nhằm nâng cao hiệu quả DH Ngữ văn và đáp ứng yêu cầu đổi mới GD-ĐT theo định hướng đổi mới hiện nay.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ thực hiện bởi Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội trong khuôn khổ đề tài mã số QS.18.06 của Trường Đại học Giáo dục.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*.
- [2] Đỗ Ngọc Thông (tổng chủ biên) - Bùi Minh Đức (chủ biên) - Đỗ Thu Hà - Phạm Thị Thu Hiền - Lê Thị Minh Nguyệt (2018). *Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn trung học phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Vũ Thị Ngọc Bích - Tôn Quang Cường - Phạm Kim Chung (2006). *Tập bài giảng phương pháp và công nghệ dạy học*. Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4] Dương Tiến Đức (2015). *Tài liệu tập huấn khoá đào tạo QGIS nâng cao*. Viện Nghiên cứu và Phát triển Lâm nghiệp nhiệt đới.
- [5] Chương trình dạy học của Intel Việt Nam (2009). *Khóa học khởi đầu*. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- [6] Mishra, P. - Koehler, M. J. (2006). *Technological Pedagogical Content Knowledge: A framework for teacher knowledge*. Teachers College Record, Vol. 108(6), pp. 1017-1054.
- [7] Vũ Thanh Dung (2018). *Một số biện pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường phổ thông đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 8, tr 247-250.
- [8] Nguyễn Ngọc Hiếu (2017). *Ứng dụng công nghệ và mô hình TPACK trong dạy học*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Vinh, tập 46, số 4B, tr 18-26.